

Số: /SGDDĐT-QLCL

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

V/v các điểm thi chính thức và triển khai công tác chuẩn bị, kiểm tra cơ sở vật chất, các điều kiện tổ chức Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi:

- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các trường, trung tâm trực thuộc Sở.

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh năm học 2026-2027 được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt tại Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 và Công văn số 1215/SGDDĐT-QLCL ngày 30/3/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027, Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo các điểm thi chính thức của Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là Kỳ thi) và triển khai công tác chuẩn bị, kiểm tra cơ sở vật chất, các điều kiện tổ chức thi tại các điểm thi, cụ thể như sau:

1. Danh sách các điểm thi (chính thức) của Kỳ thi

Theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức thi tại các điểm thi

a) Các trường THCS, THPT được đặt làm điểm thi căn cứ Danh mục cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức coi thi (Phụ lục 2 đính kèm) chủ động kiểm tra, rà soát, chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện tổ chức coi thi, phục vụ cho Kỳ thi; đảm bảo an ninh, an toàn, đúng Quy chế thi.

b) Riêng các điểm thi có tổ chức thi môn chuyên Tin học chuẩn bị cơ bản về phòng máy để thí sinh làm bài thi lập trình trên máy, cụ thể như sau:

- Các trường có tổ chức thi môn chuyên Tin học:

+ Trường THPT Phan Châu Trinh: 02 phòng thi môn Tin học, mỗi phòng có 20 thí sinh;

+ Trường THCS Nguyễn Huệ (phường Hải Châu): 02 phòng thi môn Tin học, mỗi phòng có 21 thí sinh;

+ Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông: 03 phòng thi môn Tin học, mỗi phòng có 20 thí sinh;

+ Trường THPT Trần Cao Vân: 02 phòng thi môn Tin học, mỗi phòng có 20 thí sinh;

+ Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm: 02 phòng thi môn Tin học; trong đó, 01 phòng có 24 thí sinh và 01 phòng có 20 thí sinh.

- Các phòng thi môn Tin học phải đảm bảo 01 thí sinh có 01 máy vi tính độc lập để làm bài; mỗi phòng thi có ít nhất 03 máy vi tính dự phòng, có máy vi tính và

máy in dành cho giám thị để thu, in bài thi. Máy vi tính làm bài của thí sinh chạy hệ điều hành Windows 10 hoặc Windows 11; đặt ngày, giờ chính xác trong hệ thống; quét sạch virus; ổ đĩa cứng của máy vi tính có ít nhất 02 phân vùng; ngoài các phần mềm/công cụ đi theo hệ điều hành (đảm bảo phải có chương trình/phần mềm NotePad), bộ phần mềm soạn thảo văn bản (nếu có), chỉ cài đặt các phần mềm dành cho thí sinh làm bài với phiên bản tối thiểu cụ thể như sau: Code::Blocks 25.03 MinGW, Dev-C++ 6.3 đi kèm TDM-GCC 9.2, Python 3.14.3, Thonny 4.1.x, Free Pascal 3.2.2.

- Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có quy định, hướng dẫn cụ thể về công tác chuẩn bị, tổ chức coi thi đối với môn Tin học trong văn bản hướng dẫn tổ chức coi thi.

c) Trong trường hợp các điều kiện tổ chức thi chưa được đảm bảo theo quy định, các trường nơi đặt điểm thi báo cáo ngay với cơ quan, đơn vị quản lý của mình (*trường THCS báo cáo UBND của địa phương để tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo; trường THPT báo cáo trực tiếp Sở Giáo dục và Đào tạo qua Phòng Quản lý chất lượng*) và phải có biện pháp xử lý kịp thời.

d) Hiệu trưởng trường THPT, trưởng phòng Văn hóa - Xã hội của địa phương có trường THCS đặt làm điểm thi trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra công tác chuẩn bị của các trường.

đ) Cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện tổ chức coi thi, phục vụ cho Kỳ thi tại các điểm thi phải được **hoàn thành chậm nhất ngày 13/5/2026**.

3. Kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện tổ chức thi tại các điểm thi

a) UBND các xã, phường, đặc khu (hoặc Ban Chỉ đạo Kỳ thi của địa phương) lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện để tổ chức coi thi tại các điểm thi trên địa bàn của địa phương (nội dung kiểm tra theo Danh mục cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức coi thi tại Phụ lục 2 đính kèm). **Thời gian kiểm tra từ ngày 14/5/2026 đến ngày 16/5/2026.**

b) Ban Chỉ đạo của thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra tại các điểm thi từ ngày 18/5/2026 đến ngày 20/5/2026.

Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu (Ban Chỉ đạo Kỳ thi của địa phương) chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các trường THCS được đặt làm điểm thi thuộc phạm vi quản lý và yêu cầu hiệu trưởng các trường THPT được đặt làm điểm thi triển khai thực hiện nghiêm túc Công văn này để Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2026-2027 trên địa bàn thành phố được tổ chức an toàn, nghiêm túc, đúng Quy chế thi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ông Trần Anh Tuấn, PCT UBND TP;
- BCĐ tuyển sinh của TP;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

Phụ lục 1**DANH SÁCH CÁC ĐIỂM THI - KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027***(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày /5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)*

Mã điểm thi	Trường đặt điểm thi/Tên điểm thi	Phường/Xã	Số phòng thi	Số thí sinh	Địa chỉ điểm thi
001	THPT Phan Châu Trinh ¹	Phường Hải Châu	37	847	Số 154 Lê Lợi, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
002	THPT Trần Phú ²	Phường Hải Châu	30	670	Số 11 Lê Thánh Tôn, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
003	THCS Nguyễn Huệ - Hải Châu ³	Phường Hải Châu	26	580	Số 134 Quang Trung, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
004	THCS Kim Đồng - Hải Châu	Phường Hải Châu	18	421	Số 87 Trần Bình Trọng, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
005	THCS Sào Nam - Hải Châu	Phường Hải Châu	10	240	Số 52 Lê Hồng Phong, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
006	THCS Trưng Vương - Hải Châu	Phường Hải Châu	22	528	Số 88 Yên Bái, phường Hải Châu, TP. Đà Nẵng
007	THCS Lý Thường Kiệt - Hòa Cường	Phường Hòa Cường	19	456	Số 409 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng
008	THPT Hoàng Hoa Thám	Phường An Hải	16	384	Số 63 Phạm Cự Lượng, phường An Hải, TP. Đà Nẵng
009	THPT chuyên Lê Quý Đôn	Phường An Hải	19	439	Số 01 Vũ Văn Dũng, phường An Hải, TP. Đà Nẵng
010	THCS Trần Hưng Đạo - Hòa Cường	Phường Hòa Cường	16	384	Số 228 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng
011	THCS Tây Sơn - Hòa Cường	Phường Hòa Cường	32	756	Số 149 Núi Thành, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng
012	THCS Nguyễn Thiện Thuật - Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	23	538	Đường Đặng Nhon, phường Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng
013	THPT Ngô Quyền	Phường An Hải	14	325	Số 57 Phạm Cự Lương, phường An Hải, TP. Đà Nẵng
014	THPT Tôn Thất Tùng	Phường An Hải	17	408	Số 200 Trần Nhân Tông, phường An Hải, TP. Đà Nẵng
015	THCS Lý Tự Trọng - Sơn Trà	Phường Sơn Trà	20	480	Số 02 Nguyễn Phan Vinh, phường Sơn Trà, TP. Đà Nẵng

¹ Điểm thi dành cho thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.² Điểm thi dành cho thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.³ Điểm thi dành cho thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn.

Mã điểm thi	Trường đặt điểm thi/Tên điểm thi	Phường/Xã	Số phòng thi	Số thí sinh	Địa chỉ điểm thi
016	THPT Ngũ Hành Sơn	Phường Ngũ Hành Sơn	22	528	Số 24 Bà Bang Nhân, phường Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
017	THCS Lê Lợi - Ngũ Hành Sơn	Phường Ngũ Hành Sơn	23	531	Số 07 Hồ Xuân Hương, phường Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng
018	THPT Cẩm Lệ	Phường Cẩm Lệ	16	384	Số 02 Nguyễn Thế Lịch, phường Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
019	THPT Nguyễn Văn Thoại	Phường Hòa Xuân	13	303	Số 132 Đô Đốc Lân, phường Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng
020	THCS Trần Quý Cáp - Cẩm Lệ	Phường Cẩm Lệ	14	336	Số 79/7 Cách Mạng Tháng 8, phường Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
021	THCS Đặng Thai Mai - Cẩm Lệ	Phường Cẩm Lệ	14	336	Số 32 Nguyễn Như Đồ, phường Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
022	THCS Nguyễn Văn Linh - Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân	13	312	Tổ dân phố Nhơn Thọ 1, phường Hòa Xuân, TP. Đà Nẵng
023	THPT Ông Ích Khiêm	Xã Hòa Vang	20	480	Thôn Cẩm Toại Trung, xã Hòa Vang, TP. Đà Nẵng
024	THCS Phạm Văn Đồng - Bà Nà	Xã Bà Nà	15	356	Thôn Phú Hòa 2, xã Bà Nà, TP. Đà Nẵng
025	THCS Trần Quốc Tuấn - Hòa Vang	Xã Hòa Vang	15	360	Xã Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng
026	THPT Liên Chiểu	Phường Hải Vân	16	365	Số 02 Trần Tấn, phường Hải Vân, TP. Đà Nẵng
027	THPT Nguyễn Trãi	Phường Liên Chiểu	22	528	Số 01 Phan Văn Định, phường Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
028	THPT Phạm Phú Thứ	Phường Hòa Khánh	19	456	Tổ dân phố An Ngãi Đông, phường Hoà Khánh, TP. Đà Nẵng
029	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Phường Hòa Khánh	18	432	Số 54 Thích Quảng Đức, phường Hoà Khánh, TP. Đà Nẵng
030	THCS Ngô Thị Nhậm - Hòa Khánh	Phường Hòa Khánh	22	512	Số 14 Mộc Bài 5, phường Hoà Khánh, TP. Đà Nẵng
031	THCS Lương Thế Vinh - Hòa Khánh	Phường Hòa Khánh	25	600	Số 86 Đặng Huy Trứ, phường Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng
032	THPT Thái Phiên	Phường Thanh Khê	22	528	Số 735 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
033	THPT Thanh Khê	Phường Thanh Khê	16	384	Số 232 Kinh Dương Vương, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
034	THCS Phan Đình Phùng - Thanh Khê	Phường Thanh Khê	16	384	Số 26 Thanh Tân, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
035	THCS Huỳnh Thúc Kháng - Thanh Khê	Phường Thanh Khê	16	382	Số 154 Hà Huy Tập, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
036	THCS Nguyễn Thị Định - An Khê	Phường An Khê	16	370	Số 55 Yên Thế, phường An Khê, TP. Đà Nẵng
037	THCS Nguyễn Công Trứ - An Khê	Phường An Khê	20	480	Số 496 Tôn Đản, phường An Khê, TP. Đà Nẵng

Mã điểm thi	Trường đặt điểm thi/Tên điểm thi	Phường/Xã	Số phòng thi	Số thí sinh	Địa chỉ điểm thi
038	THPT Nguyễn Hiền	Phường Hòa Cường	19	456	Số 61 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng
039	THCS Hồ Nghinh - Hòa Cường	Phường Hòa Cường	14	336	Số 08A Lê Nỗ, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng
040	THCS Cao Thắng - An Hải	Phường An Hải	12	288	59 Mai Hắc Đế, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng
041	THCS Lê Thị Hồng Gấm - Thanh Khê	Phường Thanh Khê	15	347	Số 371 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
042	THPT Bắc Trà My	Xã Trà My	15	360	Xã Trà My, TP. Đà Nẵng
043	THCS Nguyễn Du - Trà My	Xã Trà My	15	349	Xã Trà My, TP. Đà Nẵng
044	THPT Hồ Nghinh	Xã Duy Nghĩa	15	339	Xã Duy Nghĩa, TP. Đà Nẵng
045	THCS Nguyễn Văn Trỗi - Duy Nghĩa	Xã Duy Nghĩa	13	307	Xã Duy Nghĩa, TP. Đà Nẵng
046	THPT Nguyễn Hiền - Duy Xuyên	Xã Duy Xuyên	21	482	Xã Duy Xuyên, TP. Đà Nẵng
047	THPT Sào Nam	Xã Nam Phước	17	389	Số 611 Hùng Vương, xã Nam Phước, TP. Đà Nẵng
048	THPT Lê Hồng Phong	Xã Thu Bồn	14	331	Xã Thu Bồn, TP. Đà Nẵng
049	THPT Huỳnh Ngọc Huệ	Xã Đại Lộc	19	456	Số 161 Nguyễn Tất Thành, xã Đại Lộc, TP. Đà Nẵng
050	THCS Nguyễn Trãi - Đại Lộc	Xã Đại Lộc	23	530	Khu Nghĩa Phước, xã Đại Lộc, TP. Đà Nẵng
051	THPT Chu Văn An	Xã Hà Nha	12	288	Thôn Hà Thanh, xã Hà Nha, TP. Đà Nẵng
052	THCS Kim Đồng - Hà Nha	Xã Hà Nha	12	287	Thôn Hà Nha, xã Hà Nha, T.P Đà Nẵng
053	THPT Đỗ Đăng Tuyển	Xã Phú Thuận	17	408	Thôn Phú An, xã Phú Thuận, TP. Đà Nẵng
054	THCS Lý Tự Trọng - Phú Thuận	Xã Phú Thuận	11	261	Thôn Thuận Hòa, xã Phú Thuận, TP. Đà Nẵng
055	THPT Nguyễn Khuyến	Phường An Thắng	23	547	Khởi phố Thanh Quýt 6, phường An Thắng, TP. Đà Nẵng
056	THPT Nguyễn Duy Hiệu	Phường Điện Bàn	15	356	Số 29 Trần Nhân Tông, phường Điện Bàn, TP. Đà Nẵng
057	THCS Phan Châu Trinh - An Thắng	Phường An Thắng	14	336	Thôn Phong Nhị, phường An Thắng, TP. Đà Nẵng
058	THPT Lương Thế Vinh	Phường Điện Bàn Đông	20	463	Số 738 Trần Thủ Độ, phường Điện Bàn Đông, TP. Đà Nẵng
059	THCS Võ Như Hưng - Điện Bàn Đông	Phường Điện Bàn Đông	10	240	Thôn Quảng Lãng 3, phường Điện Bàn Đông, TP. Đà Nẵng

Mã điểm thi	Trường đặt điểm thi/Tên điểm thi	Phường/Xã	Số phòng thi	Số thí sinh	Địa chỉ điểm thi
060	THCS Dũng sĩ Điện Ngọc - Điện Bàn Đông	Phường Điện Bàn Đông	18	432	Khối phố Ngọc Vinh, phường Điện Bàn Đông, TP. Đà Nẵng
061	THPT Hoàng Diệu	Xã Điện Bàn Tây	21	483	Xã Điện Bàn Tây, TP. Đà Nẵng
062	THCS Phan Thúc Duyện - Điện Bàn Tây	Xã Điện Bàn Tây	11	264	Thôn Phong Thử 1, xã Điện Bàn Tây, TP. Đà Nẵng
063	THPT Phạm Phú Thứ - Gò nổi	Xã Gò Nổi	12	269	Xã Gò Nổi, TP. Đà Nẵng
064	THPT Quang Trung - Đông Giang	Xã Đông Giang	12	267	Xã Đông Giang, TP. Đà Nẵng
065	THPT Âu Cơ	Xã Sông Vàng	7	168	Xã Sông Vàng, TP. Đà Nẵng
066	THPT Hiệp Đức	Xã Hiệp Đức	12	279	Xã Hiệp Đức, TP. Đà Nẵng
067	THPT Trần Phú - Việt An	Xã Việt An	12	269	Xã Việt An, TP. Đà Nẵng
068	THPT chuyên Lê Thánh Tông ⁴	Phường Hội An Tây	25	534	Số 236 Trường Chinh, phường Hội An Tây, TP. Đà Nẵng
069	THPT Trần Quý Cáp ⁵	Phường Hội An	23	471	Số 07 Trần Hưng Đạo, phường Hội An, TP. Đà Nẵng
070	THPT Nguyễn Trãi - Hội An	Phường Hội An Tây	14	319	Số 58 Nguyễn Công Trứ, phường Hội An Tây, TP. Đà Nẵng
071	THCS Kim Đồng - Hội An	Phường Hội An	14	336	01 Trần Hưng Đạo, phường Hội An, TP. Đà Nẵng
072	THCS Nguyễn Bình Khiêm - Hội An Tây	Phường Hội An Tây	12	288	Số 52 Huỳnh Thúc Kháng, phường Hội An Tây, TP. Đà Nẵng
073	THPT Trần Hưng Đạo	Phường Hội An Đông	10	240	Số 170 Cửa Đại, phường Hội An Đông, TP. Đà Nẵng
074	THCS Nguyễn Du - Hội An Đông	Phường Hội An Đông	10	235	267 Trần Nhân Tông, phường Hội An Đông, TP. Đà Nẵng
075	THPT Nguyễn Văn Trỗi	Xã La Dêê	8	183	Xã La Dêê, TP. Đà Nẵng
076	THPT Tố Hữu	Xã Thạnh Mỹ	17	388	Xã Thạnh Mỹ, TP. Đà Nẵng
077	PTDTNT THCS và THPT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	9	214	Thôn 2, Trà Mai, xã Nam Trà My, TP. Đà Nẵng
078	THPT Nam Trà My	Xã Nam Trà My	11	264	Trà Mai, xã Nam Trà My, TP. Đà Nẵng
079	THPT Núi Thành	Xã Núi Thành	23	552	Số 235 Nguyễn Văn Linh, xã Núi Thành, TP. Đà Nẵng

⁴ Điểm thi dành cho thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông.

⁵ Điểm thi dành cho thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Lê Thánh Tông.

Mã điểm thi	Trường đặt điểm thi/Tên điểm thi	Phường/Xã	Số phòng thi	Số thí sinh	Địa chỉ điểm thi
080	THPT Nguyễn Huệ	Xã Núi Thành	23	552	Thôn Vân Thạch, xã Núi Thành, TP. Đà Nẵng
081	THCS Nguyễn Khuyến - Tam Anh	Xã Tam Anh	11	256	Thôn Nam Đình, xã Tam Anh, TP. Đà Nẵng
082	THCS Trần Cao Vân - Núi Thành	Xã Núi Thành	12	288	Thôn Vĩnh Đại, xã Núi Thành, TP. Đà Nẵng
083	THPT Cao Bá Quát	Xã Tam Anh	18	432	Thôn Đông Hải, xã Tam Anh, TP. Đà Nẵng
084	THCS Lương Thế Vinh - Tam Anh	Xã Tam Anh	10	230	Thôn Thuận An, xã Tam Anh, TP. Đà Nẵng
085	THPT Võ Nguyên Giáp	Xã Chiên Đàn	9	215	Khôi phố Thạnh Đức, xã Chiên Đàn, TP. Đà Nẵng
086	THPT Nguyễn Dục	Xã Phú Ninh	17	396	Xã Phú Ninh, TP. Đà Nẵng
087	THPT Trần Văn Dư	Xã Tây Hồ	14	325	Xã Tây Hồ, TP. Đà Nẵng
088	THPT Khâm Đức	Xã Khâm Đức	19	437	Số 08 Phan Châu Trinh, xã Khâm Đức, TP. Đà Nẵng
089	THPT Nông Sơn	Xã Nông Sơn	15	358	Tổ dân phố Trung Hạ, xã Nông Sơn, TP. Đà Nẵng
090	THPT Quế Sơn	Xã Quế Sơn	18	432	Số 33 Hùng Vương, xã Quế Sơn, TP. Đà Nẵng
091	THPT Trần Đại Nghĩa	Xã Quế Sơn Trung	16	373	Xã Quế Sơn Trung, TP. Đà Nẵng
092	THPT Nguyễn Văn Cừ	Xã Xuân Phú	16	381	Xã Xuân Phú, TP. Đà Nẵng
093	THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm ⁶	Phường Bàn Thạch	27	591	Số 02 Trần Đại Nghĩa, phường Bàn Thạch, TP. Đà Nẵng
094	THPT Trần Cao Vân ⁷	Phường Tam Kỳ	22	469	Khu dân cư số 5, đường Lê Duẩn, phường Tam Kỳ, TP. Đà Nẵng
095	THPT Phan Bội Châu	Phường Hương Trà	18	432	Số 786 Phan Chu Trinh, phường Hương Trà, TP. Đà Nẵng
096	THPT Lê Quý Đôn	Phường Tam Kỳ	15	338	Số 152 Trần Dư, phường Tam Kỳ, TP. Đà Nẵng
097	THCS Lý Tự Trọng - Tam Kỳ	Phường Tam Kỳ	17	408	Số 228 Huỳnh Thúc Kháng, phường Tam Kỳ, TP. Đà Nẵng
098	THCS Nguyễn Du - Bàn Thạch	Phường Bàn Thạch	17	408	Số 05 Nguyễn Chí Thanh, phường Bàn Thạch, TP. Đà Nẵng

⁶ Điểm thi dành cho thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm.

⁷ Điểm thi dành cho thí sinh có đăng ký dự thi vào Trường THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm.

Mã điểm thi	Trường đặt điểm thi/Tên điểm thi	Phường/Xã	Số phòng thi	Số thí sinh	Địa chỉ điểm thi
099	THPT Duy Tân	Phường Quảng Phú	13	310	Thôn Ngọc Mỹ, đường Nguyễn Tất Thành, phường Quảng Phú, TP. Đà Nẵng
100	THPT Tây Giang	Xã Tây Giang	15	338	Xã Tây Giang, TP. Đà Nẵng
101	THPT Huỳnh Thúc Kháng	Xã Tiên Phước	17	408	Số 19 Huỳnh Thúc Kháng, xã Tiên Phước, TP. Đà Nẵng
102	THPT Phan Châu Trinh - Tiên Phước	Xã Tiên Phước	17	408	Số 150 Phan Châu Trinh, xã Tiên Phước, TP. Đà Nẵng
103	THCS Lý Tự Trọng - Tiên Phước	Xã Tiên Phước	10	229	Số 35 Tôn Đức Thắng, xã Tiên Phước, TP. Đà Nẵng
104	THPT Lý Tự Trọng	Xã Đồng Dương	11	250	Xã Đồng Dương, TP. Đà Nẵng
105	THPT Nguyễn Thái Bình	Xã Thăng An	15	360	Xã Thăng An, TP. Đà Nẵng
106	THCS Nguyễn Hiền - Thăng An	Xã Thăng An	14	332	Xã Thăng An, TP. Đà Nẵng
107	THPT Tiểu La	Xã Thăng Bình	17	408	Số 88 Tiểu La, xã Thăng Bình, TP. Đà Nẵng
108	THPT Thái Phiên - Thăng Bình	Xã Thăng Bình	20	480	Khu phố 8, xã Thăng Bình, TP. Đà Nẵng
109	THCS Lê Quý Đôn - Thăng Bình	Xã Thăng Bình	14	325	Số 376 Tiểu La, xã Thăng Bình, TP. Đà Nẵng
110	THPT Hùng Vương	Xã Thăng Điện	17	397	Xã Thăng Điện, TP. Đà Nẵng

Danh sách này có 110 điểm thi./.

Phụ lục 2**DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC COI THI TẠI ĐIỂM THI
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027***(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-QLCL ngày /5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng)*

STT	Danh mục	Tiêu chí đảm bảo	Số lượng
1	Hàng rào, cổng ngõ	Đảm bảo an ninh, an toàn.	/
2	Bảng niêm yết đặt tại khu vực cổng trường/khu vực chung của điểm thi	Đảm bảo hiển thị đầy đủ các thông tin về Kỳ thi: Tên Kỳ thi, Nội quy/Quy chế thi (cỡ A3), Lịch thi (cỡ A3), Hiệu lệnh trống (cỡ A3), Sơ đồ bố trí phòng thi (cỡ A3), Danh sách thí sinh dự thi (theo từng buổi thi).	01
3	Phòng Hội đồng (<i>phòng làm việc chung của điểm thi</i>)	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng ghế ngồi cho người làm công tác thi tại điểm; - Điện, quạt hoạt động tốt; - Bảng niêm yết: lịch thi (cỡ A3), sơ đồ bố trí phòng thi (cỡ A3), hiệu lệnh trống (cỡ A3), bảng phân công nhiệm vụ; - Bố trí giao nhận bài thi phù hợp; - Điện thoại cố định có loa ngoài đảm bảo đường dây luôn hoạt động tốt và thông suốt 24/24; Sổ nhật ký ghi các cuộc liên lạc. 	01
4	Phòng bảo quản đề thi, bài thi	<ul style="list-style-type: none"> - Cửa sổ, cửa phụ được niêm phong; - Tủ đựng đề thi, tủ đựng bài thi riêng biệt; có ổ khóa; đủ không gian để đựng túi đề, bài thi; có nhãn tên; - Đưa các vật dụng không cần thiết, không liên quan ra khỏi phòng; - Đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy; - Có chỗ ngủ cho 01 Phó Trưởng điểm thi (phụ trách nghiệp vụ thi) và 01 công an bảo vệ để trực qua đêm. 	01

STT	Danh mục	Tiêu chí đảm bảo	Số lượng
5	Phòng thi	<ul style="list-style-type: none"> - 24 chỗ ngồi cho thí sinh, đảm bảo khoảng cách theo quy định; - Bàn trên bục giảng, ghế ngồi cho 2 giám thị; - Điện, quạt hoạt động tốt; - Rèm che nắng (nếu bị ánh nắng chiếu vào phòng); - Đảm bảo vệ sinh sạch sẽ; - Không để máy vi tính trong phòng; - Nếu có tivi, thiết bị truyền thông tin trong phòng thì niêm phong nguồn điện vào, cổng nối mạng (nếu có). 	Số phòng thi theo Phụ lục 1
6	Phòng thi dự phòng	Như phòng thi	Ít nhất 01
7	Phòng/Khu vực chờ ra	<p>Dùng để cho thí sinh ngồi chờ cho đến khi được phép ra khỏi khu vực thi trong trường hợp thí sinh đã nộp bài thi được phép ra khỏi phòng thi, thí sinh bị đình chỉ thi.</p> <p>Nếu không bố trí được phòng thì bố trí khu vực riêng đảm bảo an ninh, an toàn, thoáng mát, có ghế ngồi cho thí sinh.</p>	Ít nhất 01
8	Phòng Trưởng điểm thi (nếu có)	Trong trường hợp điểm thi có bố trí phòng dành cho Trưởng điểm thi nghỉ ngơi ngoài giờ làm việc thì đảm bảo thoáng mát, sạch sẽ; trong thời gian làm việc của điểm thi, phòng phải được niêm phong theo quy định.	01
9	Phòng trực thi	<ul style="list-style-type: none"> - 01 bộ máy vi tính hoạt động tốt, được niêm phong cổng nối mạng, nguồn điện vào; - 01 máy in; - 01 máy photocopy hoạt động tốt, được niêm phong nguồn điện vào; - Sổ nhật ký. <p><i>Ghi chú:</i> Trong thời gian làm bài thi, các thiết bị nêu trên trong phòng trực thi chỉ được sử dụng khi cần thiết và phải có giám sát, ghi nhật ký sử dụng và biên bản mở niêm phong.</p>	01

STT	Danh mục	Tiêu chí đảm bảo	Số lượng
10	Phòng y tế	Đảm bảo công tác chăm sóc y tế, sơ cấp cứu cho thí sinh và người làm công tác thi tại điểm thi (trang thiết bị sơ cứu, thuốc thiết yếu). Nếu trường sở tại không có nhân viên y tế thì nhà trường chủ động liên hệ với y tế địa phương để cử 01 cán bộ y tế đến làm nhiệm vụ.	01
11	Thùng đựng thiết bị thu, phát sóng của người làm nhiệm vụ tại điểm thi	Đảm bảo được sự quản lý của công an, niêm phong theo quy định.	01
12	Khu vực/Phòng để tư trang của thí sinh	Bố trí phòng/khu vực riêng, đảm bảo không để xảy ra tình trạng mất mát. Nếu không bố trí được phòng riêng thì bố trí khu vực riêng đảm bảo gọn gàng, an toàn, mỹ quan trong khu vực thi. Không để tư trang của thí sinh ở hành lang các phòng thi.	Ít nhất 01
13	Vệ sinh môi trường: Khu vực thi; nhà vệ sinh dành cho cán bộ, thí sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Sạch sẽ; - Có nước, xà phòng rửa tay trong nhà vệ sinh; - Thùng đựng rác có nắp đậy. 	/
14	Khu ở, ăn, nấu ăn (nếu có), khu vực khác không phải là khu vực tổ chức thi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo phân cách với khu vực tổ chức thi: có dây căng và biển báo phân biệt rõ với khu vực thi; - Không được sử dụng trong thời gian thi của buổi thi; - Bố trí công an trực tại vị trí phân cách. 	/
15	Các phòng không sử dụng trong khu vực tổ chức thi	Đảm bảo khóa và niêm phong cửa chính của toàn bộ các phòng không sử dụng trong khu vực tổ chức thi (cửa sổ được khóa trong) trong thời gian tổ chức thi.	
16	Hệ thống mạng, camera của trường	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắt hệ thống camera, che mắt toàn bộ camera; - Vô hiệu hóa toàn bộ hệ thống Wifi; - Chỉ sử dụng hệ thống mạng Internet có dây cho máy tính đặt tại phòng trực thi khi cần thiết với sự chứng kiến của Trưởng điểm thi, đại diện đoàn kiểm tra và công an (niêm phong khi không sử dụng). 	/

STT	Danh mục	Tiêu chí đảm bảo	Số lượng
17	Máy phát điện (nếu có)	Trường hợp điểm thi có sử dụng máy phát điện dự phòng thì chạy thử để đảm bảo hoạt động tốt, sẵn sàng hoạt động khi sử dụng; Ưu tiên sử dụng cho Phòng trực thi trong trường hợp không đủ công suất.	Ít nhất 01
18	Phòng chống cháy nổ	Đảm bảo đủ thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định của Công an PCCC.	/
19	Phương án bố trí chỗ ăn, ở cho thí sinh ở xa, nhất là đối với các xã miền núi (nếu có).		/

Danh sách này có 19 mục./.